TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-PT
Ngày 23/01/2019
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng.
Các Thẩm phán: Ông Trương Thành Quang;
Ông Nguyễn Đức Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Hòa Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 23/01/2019 tại phòng xét xử số 01 - Trụ sở TAND tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai theo thủ tục phúc thẩm vụ án thụ lý số: 42/2018/TLPT-DS ngày 06/12/2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐ-PT ngày 16/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Võ Thị Ng, sinh năm: 1958; (có mặt)
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1957; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, thành C, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Trường K, sinh năm: 1967; Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1969; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, thành C, tỉnh Ninh Thuận. Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trường K, sinh năm: 1967; Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1969 cùng là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN.

*** Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2018 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Ng tại phiên tòa hôm nay thể hiện:** Vào ngày 10 tháng 10 năm 2011 vợ chồng bà Ng ông H có cho vợ chồng bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Trường K vay 20.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền và hứa đến tháng 6/2012 sẽ trả. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất cho vay nhưng giữa

hai bên có thỏa thuận cứ 1.000.000đ tiền gốc thì mỗi ngày trả 4.000đ tiền lãi. Với số tiền vay 20.000.000đ, mỗi ngày vợ chồng bà Đ, ông K trả cho vợ chồng bà 80.000.000đ tiền lãi. Từ ngày 10/10/2011 đến tháng 2/2012 vợ chồng ông K, bà Đ đã trả 12.000.000đ tiền lãi và 1.200.000 đồng tiền gốc chia làm nhiều lần trả theo thời gian như sau:

- Dịp Tết năm 2014 (tức tháng 02/2014) trả 200.000 đồng.
- Ngày 13/4/2014 trả 200.000 đồng.
- Tết năm 2015 (tức tháng 02/2015) trả 200.000 đồng.
- Tết năm 2018 (tức tháng 02/2018) trả 300.000 đồng.
- Ngày 03/4/2018 trả 300.000 đồng.

Từ ngày 03/4/2018 đến nay, vợ chồng bà Đ, ông K không trả tiền lãi và tiền nợ gốc nữa. Nay vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đ, ông K phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 18.800.000đ và số tiền lãi tính từ 3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án theo lãi suất quá hạn.

*** Tại bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và lời trình bày của bị đơn bà Trần Thị Đ tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện:** bà và chồng bà là Nguyễn Trường K có vay bà Ng, ông H 20.000.000 đồng vào ngày 10 tháng 10 năm 2011, thời hạn trả nợ là tháng 6/2012. Vợ chồng bà đã trả tiền nợ gốc làm nhiều lần với tổng số tiền 1.200.000 đồng, thời gian trả như bà Ng trình bày. Ngoài ra từ ngày 10/10/2011 đến tháng 2/2012 vợ chồng ông K, bà Đ đã trả 12.000.000đ tiền lãi cho vợ chồng bà Ng. Nay bà chỉ đồng ý trả nợ gốc là 18.800.000 đồng, còn tiền lãi phát sinh từ tháng 3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm bà xin được miễn do bà đang gặp khó khăn về tài chính, hơn nữa vợ chồng bà đã trả lãi quá cao nên đề nghị trừ vào số nợ lãi còn lại.

Ông Nguyễn Trường K trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt: ông đồng ý có nợ bà Ng nợ gốc là 20.000.000 đồng, ông đã trả 1.200.000 đồng, nay ông đồng ý trả nợ gốc còn lại, còn lãi thì ông xin không phải trả do hiện giờ hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, ông phải đi làm ăn xa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Trường K, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Ng, ông Nguyễn Văn H 45.581.000 (bốn mươi lăm triệu năm trăm tám mươi mốt ngàn) đồng, bao gồm: nợ gốc là 18.800.000 đồng và khoản lãi tính đến ngày 31/10/2018 là 26.781.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác.

Không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, ngày 13/11/2018 bị đơn ông Nguyễn Trường K, bà Trần Thị Đ làm đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung. Vợ chồng bà Đ, ông K chỉ đồng ý trả lại cho vợ chồng bà Võ Thị

Ng, ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc là 18.800.000 đồng và không phải trả số tiền nợ lãi tính từ tháng 3/2012 đến ngày 31/10/2018 là 26.781.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 13/11/2018 của bị đơn bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Trường K làm trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Về nội dung: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Võ Thị Ng, ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Trường K, bà Trần Thị Đ là người kháng cáo không bổ sung, thay đổi, rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng bà Ng, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông K, bà Đ phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền vay là 20.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 10/10/2011 và số tiền lãi tính từ tháng 3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2018 theo lãi suất quá hạn. Xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông K, bà Đ với vợ chồng bà Ng, ông H được thể hiện bằng giấy vay tiền đề ngày 10/10/2011, giấy vay tiền này được ký kết vào ngày 10/10/2011 khi bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất là 30% năm theo quy định của bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi vay đối với số tiền nợ gốc 20.000.000đ là không Đ quy định tại điểm a khoản 1 điều 688 bộ luật dân sự năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Trường K có nội dung: Vợ chồng bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Trường K chỉ đồng ý trả lại cho vợ chồng bà Võ Thị Ng, ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc là 18.800.000 đồng và không phải trả số tiền nợ lãi tính từ tháng 3/2012 đến ngày 31/10/2018 là 26.781.000 đồng. Nhận thấy:

[3.1] Về phần nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Ng, ông Nguyễn Văn H và bị đơn ông Nguyễn Trường K, bà Trần Thị Đ đều thừa nhận: Ngày 10/10/2011, ông K, bà Đ có vay bà Ng, ông H số tiền 20.000.000 đồng, khi vay có làm giấy vay tiền. Các bên thống nhất số tiền đã trả 1.200.000 đồng trừ vào nợ gốc. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm. Vợ chồng bà Ng trình bày số tiền 1.200.000đ mà bị đơn đã trả là tiền lãi và đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi trên số nợ gốc chưa trả là 20.000.000 đồng. Số tiền 1.200.000đ mà bị đơn đã trả là khoản tiền lãi đề nghị trừ vào số nợ lãi chưa trả. Trình bày của vợ chồng bà Ng mâu thuẫn với lời khai của chính bà và ông H trong quá trình lấy lời khai và hòa giải tại Tòa án, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận và xác định số nợ gốc còn lại là 18.800.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Về khoản lãi: Nguyên đơn bà Ng, ông H và bị đơn ông K, bà Đ đều xác định thời hạn trả số tiền vay 20.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/10/2011 là vào tháng 6/2012. Đến tháng 6/2012 vợ chồng ông K, bà Đ không

trả đủ số tiền lãi và gốc cho vợ chồng bà Ng, ông H. Sau thời điểm này, vợ chồng ông H, bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ, ông K trả tiền cho vợ chồng ông bà mà tiếp tục để ông K, bà Đ trả góp số tiền vay với nhiều lần trả, tổng cộng là 1.200.000 đồng. Cụ thể thời gian trả:

- Dịp Tết năm 2014 (tức tháng 02/2014) trả 200.000 đồng.
- Ngày 13/4/2014 trả 200.000 đồng.
- Tết năm 2015 (tức tháng 02/2015) trả 200.000 đồng.
- Tết năm 2018 (tức tháng 02/2018) trả 300.000 đồng.
- Ngày 03/4/2018 trả 300.000 đồng.

Kể từ ngày 03/4/2018 cho đến nay, vợ chồng bà Đ, ông K không tiếp tục trả tiền cho vợ chồng ông H, bà Ng nên bà Ng, ông H đã khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông K trả số tiền vay là 20.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 10 tháng 10 năm 2011 và số tiền lãi tính từ tháng 3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2018.

Xét thấy, từ thời điểm tháng 6/2012 đến ngày 03/4/2018, giữa ông K, bà Đ với ông H, bà Ng không có thỏa thuận gì với nhau về việc gia hạn thời gian trả nợ, nhưng trên thực tế ông K, bà Đ tiếp tục trả nợ cho ông H, bà Ng với nhiều lần trả tiền khác nhau. Giữa hai bên không phát sinh tranh chấp gì trong thời gian từ tháng 6/2012 đến ngày 03/4/2018. Mặc dù không có thỏa thuận bằng miệng hay bằng văn bản, nhưng từ việc tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên vay, bên cho vay sau khi hết thời hạn vay có thể xác định giữa hai bên đã có sự thống nhất về việc gia hạn thời hạn trả nợ vay. Do các bên đương sự không thỏa thuận rõ ràng về thời hạn trả nợ vay, nên từ thời điểm tháng 6/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm khoản tiền vay 20.000.000đ được xác định là khoản vay không kỳ hạn và có lãi. Từ thời điểm vay tiền ngày 10/10/2011 đến tháng 6/2012 theo giấy vay tiền ngày 10 tháng 10 năm 2011 là khoản vay có kỳ hạn và có lãi. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ gốc từ tháng 7/2012 đến ngày ngày xét xử sơ thẩm trên nợ gốc quá hạn chưa trả với lãi suất là 30%/năm, chia theo tháng là 2,5%/tháng là không phù hợp.

Giấy vay tiền ngày 10/10/2018 không thoả thuận về lãi suất nhưng các bên đều thừa nhận cứ 1 triệu thì trả 4.000 đồng mỗi ngày tương đương với mức lãi suất là 144%/năm, do lãi suất thoả thuận của hai bên vượt quá lãi suất giới hạn quy định tại điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điểm a, b tiểu mục 4 chương I Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 về việc hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính quy định lãi suất không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Căn cứ quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam xác định lãi suất cơ bản hiện nay là 09%/năm. Vì vậy, lãi suất trong trường hợp này được xác định là 150% x 09%/năm = 13,5%/năm = 1,125%/tháng .

- Lãi suất tính từ tháng 3/2012 đến tết năm 2014 (tháng 2/2014) thời gian tính lãi là 01 năm 11 tháng (23 tháng), tiền lãi là: 1,125%/tháng x 20.000.000 đồng x 23 tháng = 5.175.000 đồng.

- Tết năm 2014 (tháng 2/2014) bà Đ trả 200.000 đồng. Số tiền gốc còn lại : 20.000.000 đồng - 200.000 đồng = 19.800.000 đồng, tính đến tháng 4 năm 2014 (lần trả tiếp theo) thời gian là 02 tháng, số tiền lãi là: 19.800.000 đồng x 1,125%/tháng x 02 tháng = 445.500 đồng.

- Tháng 4 năm 2014 bà Đ trả 200.000 đồng. Số tiền gốc còn lại: 19.800.000 đồng - 200.000 đồng = 19.600.000 đồng, tính đến lần trả tiếp theo vào Tết năm 2015 tức tháng 2/2015 thời gian là 10 tháng, số tiền lãi là: 10 tháng x 1,125%/tháng x 19.600.000 đồng = 2.205.000 đồng.

- Tết năm 2015 tức tháng 2/2015 bà Đ trả 200.000 đồng. Số tiền gốc còn lại:19.600.000 đồng – 200.000 đồng = 19.400.000 đồng. Tính đến lần trả tiếp theo vào Tết năm 2018 tức tháng 2/2018 thời gian là 36 tháng. Số tiền lãi là: 36 tháng x x 1,125%/tháng x 19.400.000 đồng = 7.857.000 đồng.

- Tết năm 2018 tức tháng 2/2018 bà Đ trả 300.000 đồng. Số tiền gốc còn lại: 19.400.000 đồng - 300.000 đồng = 19.100.000 đồng. Tính đến lần trả tiếp theo của bà Đ: ngày 03/4/2018 thời gian là 02 tháng 03 ngày. Số tiền lãi: 1,125% /tháng x 19.100.000 đồng x (2 +3/30)tháng = 451.237 đồng .

- Ngày 03/4/2018 Bà Đ trả 300.000 đồng, số tiền gốc còn lại: 19.100.000 đồng - 300.000 đồng = 18.800.000 đồng, tính đến ngày 31/10/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) thời gian là 06 tháng 28 ngày. Số tiền lãi: (06 tháng + 28/30 tháng) x 1,125%/tháng x 18.800.000 đồng) = 1.466.400đồng .

Tổng số tiền lãi phát sinh từ tháng 3/2012 đến ngày 31/10/2018 là 17.600.000đ.

Bà Đ, ông K đã trả cho bà Ng, ông H 12.000.000đ tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 20.000.000đ trong thời gian 5 tháng (tính từ tháng 10/2011 đến tháng 3/2012) tương đương với mức lãi suất 144%/năm, mức lãi suất này vượt quá lãi suất giới hạn quy định. Vì vậy, lãi suất trong trường hợp này được xác định lại là 1,125%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Ng, ông H đồng ý cấn trừ số tiền lãi bà Đ đã trả là 12.000.000đ vào khoản lãi phải trả. Căn cứ trên yêu cầu của đương sự, HĐXX xác định lại số tiền lãi trong 05 tháng (tính từ tháng 10/2011 đến tháng 3/2012) như sau: 20.000.000đ x 1,125%/tháng x 05 tháng = 125.000đ. Số tiền lãi bà Đ, ông K đã trả dư ra là 12.000.000đ - 125.000đ = 11.875.000đ, số tiền này được khấu trừ vào số tiền lãi bà Đ, ông K chưa trả từ tháng 3/2011 đến ngày 31/10/2018. Vậy ông K, bà Đ còn phải trả lãi cho ông H, bà Ng là 17.600.000đ - 11.875.000đ = 5.725.000đ tiền lãi.

Từ những nhận định trên, HĐXX công nhận giấy vay tiền ngày 10/10/2011 là hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng bà Ng, ông H với vợ chồng bà Đ, ông K. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ng, ông Nguyễn Văn H, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trường K, bà Trần Thị Đ về điều chỉnh phần lãi suất.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ, ông K có đơn xin miễn giảm án phí do gặp trường hợp bất khả kháng khó khăn về kinh tế được địa phương xác nhận. Căn cư theo Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Đ, ông K được giảm 50% án phí dân sự sơ

thẩm. Ông K, bà Đ còn phải chịu 1.226.250đ x 50% = 613.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ng, ông Nguyễn Văn H nên ông H, bà Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Ng, ông H 845.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017398 ngày 16/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm nên ông K, bà Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông K, bà Ng 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017726 ngày 28/11/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Đ. Buộc ông K, bà Đ còn phải trả cho vợ chồng ông H, bà Ng số tiền nợ gốc 18.800.000đ và 5.725.000đ tiền lãi. Tổng cộng ông K, bà Đ phải trả cho vợ chồng ông H, bà Ng số tiền 24.525.000đ.

Xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

* Căn cứ vào khoản 2 Điều 305, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự Khoản 1 Điều 29, Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ng, ông Nguyễn Văn H.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Trường K.

Công nhận giấy vay tiền ngày 10/10/2011 là hợp đồng vay tài sản giữa bà Võ Thị Ng, ông Nguyễn Văn H với bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Trường K.

Buộc vợ chồng ông K, bà Đ phải trả cho vợ chồng ông H, bà Ng số tiền là 24.525.000đ (trong đó nợ gốc là 18.800.000đ và lãi là 5.725.000đ).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ, ông K phải chịu 613.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H, bà Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ng, ông H 845.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017398 ngày 16/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K, bà Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông K, bà Đ 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Đ nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017726 ngày 28/11/2018.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.Phan Rang - Tháp Chàm;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS TP.Phan Rang – Tháp Chàm.;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA; Phòng HC-TP;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hưng Dũng